

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 08 – 7 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thanh Nhanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Huỳnh Văn Hiệp**.
- Bà **Nguyễn Hồng Phụng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tài** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lý Hồng S**.

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà **Sơn Thị L**; (vắng mặt).

2. Ông **Trần Cao D**; (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lý Thị Mỹ T**.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lý Hồng S trình bày:

Bà Sơn Thị L và con là ông Trần Cao D vay tiền của ông Lý Hồng S, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vào ngày 01-5-2021, bà Sơn Thị L và ông Trần Cao D vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận và bà L, ông D có ký tên.

Lần thứ hai, vào ngày 01-6-2021, bà Sơn Thị L vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi 5%/tháng, không làm biên nhận, không người làm chứng.

Bà L chỉ đóng lãi cho ông S được một lần là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Từ ngày 01-7-2021 cho đến nay, bà L không đóng lãi, tính đến ngày 28-02-2024 là 31 tháng không đóng lãi. Tổng cộng tiền lãi là 31 tháng với 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng), nên ông S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà L, ông D trả tiền vốn và lãi tổng cộng là 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông S yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà S Thị L, ông Trần Cao D, bà Lý Thị Mỹ T liên đới trả ngay cho ông Lý Hồng S tiền vốn là 36.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01-8-2021 đến ngày 01-7-2024 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông không đồng ý yêu cầu xin trả nợ dần. Ông không yêu cầu Toà án tính lại tiền lãi mà bà L, ông D đã trả.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22-5-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn, ông Trần Cao D trình bày:

Ông Trần Cao D có vay của ông Lý Hồng S tổng cộng 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), gồm:

Lần thứ nhất: Vay vào ngày 01-5-2021 là 30.000.000 đồng, mẹ của ông D là bà Sơn Thị L đứng tên vay và đã thế chấp cho ông Lý Hồng S một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp C, xã Đ, huyện X, do bà Sơn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất.

Lần thứ hai, vào ngày 01-6-2021 vay 6.000.000 đồng. Lúc này, ông S tính lãi thì ông D còn nợ một tháng là 4.000.000 đồng và cộng thành tiền vốn, nên ông S gom chung lại là ông D nợ 40.000.000 đồng; lãi 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng, chứ không phải lãi 5%/tháng.

Số tiền vay dùng vào việc xây cất nhà. Vợ chồng ông D, bà Lý Thị Mỹ T sống chung nhà với bà L, nên số tiền này thực tế là nợ chung của vợ chồng ông D, bà T, còn bà L do đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải đứng tên vay tiền.

Ông D đã trả tiền lãi mấy lần cho ông S với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, nhưng không nhớ thời gian trả lãi, không làm biên nhận, không người làm chứng. Nay ông không yêu cầu Toà án giải quyết lại tiền lãi đã trả.

Ông D đồng ý trả tiền vốn là 36.000.000 đồng và trả tiền lãi theo yêu cầu của ông Lý Hồng S. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

3. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23-5-2024 của Toà án đối với bị đơn bà Sơn Thị L, bà L trình bày:

Bà L có ý kiến trình bày giống như ông Trần Cao D. Năm 2021, bà với ông Trần Cao D vay tiền của ông Lý Hồng S hai lần với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Do ông Lý Hồng S yêu cầu phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà L lấy giấy chứng nhận của mình đứng tên để vay tiền, thực tế thì đây là nợ của vợ chồng ông D và bà T, chứ bà L không vay tiền, nên bà không đồng ý trả nợ.

4. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22-5-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T trình bày:

Bà Lý Thị Mỹ T có ý kiến và yêu cầu giống như bị đơn ông Trần Cao D. Năm 2021, do thiếu tiền xây cất nhà, nên bà với chồng bà là ông Trần Cao D vay của ông Lý Hồng S tổng cộng 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng); lãi suất 4.000.000 đồng/tháng, đã trả lãi 18.000.000 đồng. Đây là nợ của bà với ông Trần Cao D, còn bà Sơn Thị L do đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ký tên vay tiền và thế chấp giấy cho ông S.

Bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của cho ông S, nhưng xin trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hoàn cảnh của vợ chồng bà khó khăn, không có khả năng trả ngay. Bà không yêu cầu Toà án tính lại tiền lãi đã trả cho ông S.

5. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bà Sơn Thị L, ông Trần Cao D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T trả nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông S yêu cầu bị đơn bà L, ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T trả nợ tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp C, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Sơn Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn bà L, ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T trả lại tiền vay còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Lý Hồng S, bị đơn bà Sơn Thị L, ông Trần Cao D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T đều thống nhất là bà L, ông D ký tên vay tiền của ông S hai lần: Lần thứ nhất, vào ngày 01-5-2021 vay 30.000.000 đồng, bà Sơn Thị L đứng tên vay và đã giao cho ông Lý Hồng S một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp C, xã Đ, huyện X, do bà L đứng tên quyền sử dụng đất, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Lần thứ hai, vào ngày 01-6-2021 vay 6.000.000 đồng. Khi vay tiền, ông S tính bà L với ông D còn nợ lãi một tháng là 4.000.000 đồng nên cộng thành tiền vốn, ông S gom chung lại là bà L, ông D nợ 40.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014, Hội đồng xét xử xác định bà L, ông D vay của ông S số tiền 36.000.000 đồng và các tình tiết nêu trên là đúng sự thật.

Tuy nhiên, bà L, ông D, bà T thì cho rằng đây là nợ của ông D, bà T, không phải của bà L, nhưng bà L, ông D, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là nợ của ông D, bà T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Căn cứ vào quy định này, thì việc cho rằng bà L không nợ ông S là không có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự đều trình bày khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, nên việc vay tiền này là vay không có thời hạn và các bên có thỏa thuận lãi suất. Do đó,

hợp đồng vay tiền giữa ông S, bà Hên, ông D là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông S đã thông báo cho bà L, ông D trả tiền và phát sinh tranh chấp, đến nay bà L, ông D không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Bà L, ông D và bà T đều cho rằng số tiền vay là để dùng cất nhà, căn nhà do bà L, ông D và bà T ở. Đồng thời, ông D với bà T cũng thừa nhận số tiền này là do ông D với bà T thống nhất vay, ông D là người trực tiếp nhận tiền. Vì vậy, việc ông S yêu cầu bà L, ông D, bà T cùng trả nợ vay là có cơ sở.

[2.3] Do các đương sự không yêu cầu giải quyết lại số tiền lãi đã trả, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Đương sự không yêu cầu về việc ông Lý Hồng S đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Sơn Thị L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy việc ông S yêu cầu bà L, ông D, bà T trả tiền là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc bà L, ông D, bà T phải trả cho ông S số tiền vốn còn nợ tổng cộng là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Đồng thời phải trả tiền lãi tính từ ngày 01-8-2021 là thời gian ông D, bà L không trả tiền lãi cho đến ngày 01-7-2024 là 35 tháng, do các đương sự không thống nhất về mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận nên mức lãi suất được tính là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thành tiền là 10.500.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông D, bà T còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Ông D và bà T xin gia hạn thời gian trả nợ, nhưng không được ông S chấp nhận, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*.

- Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận toàn bộ và bà L, ông D, bà T có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo biên bản lấy lời khai ngày 23-5-2024, bà Sơn Thị L đề nghị Tòa án miễn án phí và bà L thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà L không phải chịu án phí theo quy

định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; đồng thời, theo khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết này quy định: “*Trong vụ án có người không phải chịu án phí hoặc được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm thì những người khác vẫn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều này*”. Vì vậy, ông D, bà T phải liên đới chịu án phí là 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông S thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí sơ thẩm nên không nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 và khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hồng S về việc buộc bị đơn bà Sơn Thị L, ông Trần Cao D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T trả số tiền vốn vay và lãi suất.

Buộc bị đơn bà Sơn Thị L, ông Trần Cao D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ T liên đới trả nợ cho nguyên đơn ông Lý Hồng S số tiền 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó gồm:

- Vốn vay là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

- Tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 đến ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Lý Hồng S cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà Sơn Thị L, ông Trần Cao D và bà Lý Thị Mỹ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trần Cao D và bà Lý Thị Mỹ T phải liên đới chịu án phí là 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2. Bà Sơn Thị L thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm.

3.3. Ông Lý Hồng S thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn bà Sơn Thị L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh